

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-7-2022

V/v Không công nhận là vợ
chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhi.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đình Bông và ông Lê Khải.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Anh, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04/3/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1980

Trú tại: Bon J, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn Nam T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông

(Các đương sự vắng mặt - đều có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/2/2022 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 03/3/2022) quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn P trình bày:*

Anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị Thùy T chung sống từ năm 2008, không đăng ký kết hôn. Nay anh chị bất đồng quan điểm sống, lối sống và phong cách sống nên thường xuyên cãi nhau, Nay tôi và chị T không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh P yêu cầu Tòa án tuyên bố anh và chị T không phải là vợ chồng .

- Về con chung: Anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị Thùy T có 02 con chung Phạm Ngọc Thảo M, sinh ngày 22/6/2009 và Phạm Văn Bảo M, sinh ngày

12/12/2015. Anh P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc Thảo M đến tuổi trưởng thành. Anh P đồng ý giao cháu Phạm Văn Bảo M cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh P không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị Thùy T trình bày:*

Chị T công nhận lời trình bày của anh Phạm Văn P là đúng sự thật, chị và anh P chung sống từ năm 2008, không đăng ký kết hôn. Do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị và anh P không còn tình cảm yêu thương, chia sẻ, quan tâm chăm sóc cho nhau. Trước yêu cầu khởi kiện của anh P, chị nhất trí đề nghị Tòa án tuyên bố chị T và anh P không phải là vợ chồng.

Về yêu cầu nuôi con chung: Anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị Thùy T có 02 con chung Phạm Ngọc Thảo M, sinh ngày 22/6/2009 và Phạm Văn Bảo M, sinh ngày 12/12/2015.

Chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Văn Bảo M đến tuổi trưởng thành. Chị T giao cháu Phạm Ngọc Thảo M cho anh P nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị Thùy T là vợ chồng.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Thảo M, sinh ngày 22/6/2009 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao cháu Phạm Văn Bảo M, sinh ngày 12/12/2015 cho chị Phạm Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh P và chị T không ai yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, tuy nhiên anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị Thùy T không đăng ký kết hôn theo

quy định của pháp luật. Anh Phạm Văn P đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị Thùy T. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định lại là “Không công nhận vợ chồng”. Bị đơn chị Phạm Thị Thùy T có nơi cư trú tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Phạm Văn P và bị đơn chị Phạm Thị Thùy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh P, chị T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị Thùy T chung sống như vợ chồng từ năm 2008 đến nay không đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. *Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết.*”.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết Phạm Văn P và chị Phạm Thị Thùy T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008, không đăng ký kết hôn. Việc anh P và chị T không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan chức năng có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Xét đơn khởi kiện của anh P yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T là có cơ sở. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị Thùy T được quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “...*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Từ những quy định của pháp luật nêu trên, cần tuyên bố anh P và chị T không phải là vợ chồng.

[2.2]. Về yêu cầu nuôi con chung: Anh P và chị T thừa nhận có 02 con chung Phạm Ngọc Thảo M, sinh ngày 22/6/2009 và Phạm Văn Bảo M, sinh ngày 12/12/2015. Anh P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Thảo M đến tuổi trưởng thành. Chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Văn Bảo M đến tuổi trưởng thành.

Xét yêu cầu của anh P được nuôi cháu Phạm Ngọc Thảo M đến tuổi trưởng thành và chấp nhận giao cháu Phạm Văn Bảo M cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy, anh P và chị T tự thỏa thuận việc nuôi con chung, Tòa án tiến hành lấy lời khai thì cháu Phạm Ngọc Thảo M có nguyện vọng được sống cùng bố là anh Phạm Văn P. Hội đồng xét xử xét thấy, cần ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh P và chị T là tự nguyện, đúng pháp luật, cần áp dụng các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung là Phạm Ngọc Thảo M cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và giao cháu

Phạm Văn Bảo M cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh P và chị T không ai yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Anh P, chị T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Phạm Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003202 ngày 03/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14; Điều 53; của Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị Thùy T không phải là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Ngọc Thảo M, sinh ngày 22/6/2009 cho anh Phạm Văn P trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; Giao con chung Phạm Văn Bảo M, sinh ngày 12/12/2015 cho chị Phạm Thị Thùy T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị Thùy T không ai yêu cầu nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn anh P, chị T có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao

động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003202 ngày 03/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhân :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký và đóng dấu*)

Võ Thị Nhi